

## NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

# SỬ DỤNG CÂU ĐỐ HÀI HƯỚC ĐỂ CẢI THIỆN TƯƠNG TÁC GIỮA GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN TRONG CÁC LỚP HỌC NÓI TIẾNG ANH: NGHIÊN CỨU HÀNH ĐỘNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHƯƠNG ĐÔNG TRẦN THỊ LỆ DUNG\* - PHẠM NGỌC ANH\*\*

**TÓM TẮT:** Nghiên cứu nhằm tăng sự tương tác giữa giảng viên và sinh viên trong các lớp học nói tiếng Anh tại Trường Đại học Phương Đông thông qua việc sử dụng các câu đố hài hước. Bài nghiên cứu được thực hiện theo phương pháp nghiên cứu hành động trong các tiết học nói cho 80 sinh viên thuộc Khoa Tiếng Anh trong học kì I năm học 2025-2026. Nghiên cứu thu thập dữ liệu thông qua quan sát lớp học, bảng hỏi và phỏng vấn bán cấu trúc nhằm khảo sát mức độ hiệu quả của việc sử dụng câu đố hài hước trong giảng dạy. Kết quả bài nghiên cứu cho thấy sự thay đổi rõ rệt từ mức độ tham gia tương tác trong lớp và sự tự tin, chủ động hơn khi giao tiếp của sinh viên. Nghiên cứu kì vọng sẽ đóng góp trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh tại Việt Nam.

**TỪ KHÓA:** câu đố hài hước; nghiên cứu hành động; kỹ năng nói; tương tác; sinh viên.

**NHẬN BÀI:** 05/11/2025.

**BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 07/01/2026

## 1. Giới thiệu

Trong bối cảnh đổi mới giáo dục đại học hiện nay, việc nâng cao chất lượng dạy tiếng Anh không chỉ phụ thuộc vào nội dung chương trình đào tạo mà còn gắn liền với phương pháp sư phạm và cách thức tổ chức lớp học. Mức độ tương tác giữa giảng viên và sinh viên là một trong những yếu tố giữ vai trò then chốt quyết định hiệu quả giảng dạy kỹ năng nói. Sự tương tác giúp người học phát huy tính chủ động, hình thành thói quen giao tiếp, đồng thời giảm bớt tâm lý e ngại khi sử dụng ngôn ngữ thứ hai.

Nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước đã khẳng định rằng việc vận dụng yếu tố hài hước trong giảng dạy là một chiến lược sư phạm hiệu quả, góp phần thúc đẩy sự tương tác, khơi gợi hứng thú và tạo động lực học tập trong lớp học ngoại ngữ. Hài hước giúp giảm bớt căng thẳng, xây dựng bầu không khí thân thiện và tăng cường sự kết nối giữa giảng viên và sinh viên, từ đó khuyến khích người học giao tiếp và trao đổi ý kiến, quan điểm, suy nghĩ bằng tiếng Anh một cách tự nhiên hơn. Đặc biệt, khi hài hước được thể hiện qua các câu đố, bài giảng trở nên sôi động, sáng tạo và tăng tương tác, giúp người học rèn luyện khả năng tư duy, phản xạ và sử dụng ngôn ngữ linh hoạt hơn.

Thực tế giảng dạy tại Khoa tiếng Anh - Trường Đại học Phương Đông cho thấy nhiều sinh viên vẫn thụ động trong các hoạt động nói tiếng Anh, tâm lý rụt rè, sợ mắc lỗi và thiếu tự tin khiến sinh viên ít chủ động tương tác với giảng viên. Tuy nhiên, khi giảng viên lồng ghép yếu tố hài hước vào bài giảng, sinh viên có xu hướng tham gia tích cực hơn, mạnh dạn phát biểu và hợp tác hiệu quả trong các hoạt động nhóm. Điều này cho thấy rằng việc sử dụng câu đố hài hước trong giảng dạy kỹ năng nói không chỉ là một hình thức đổi mới phương pháp dạy học, mà còn mở ra hướng tiếp cận mới trong việc nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh, đồng thời thúc đẩy sự hiệu quả trong tương tác giữa giảng viên và sinh viên.

Từ thực tiễn trên, nghiên cứu này được tiến hành nhằm khảo sát mức độ tương tác của sinh viên trong các lớp học nói tiếng Anh sau khi sử dụng câu đố hài hước, đồng thời đánh giá ảnh hưởng của phương pháp này đối với sự phát triển kỹ năng nói. Kết quả nghiên cứu kì vọng sẽ góp phần vào công cuộc đổi mới phương pháp giảng dạy tiếng Anh, hướng tới xây dựng môi trường học tập cởi mở, tích cực và giàu tính tương tác trong các cơ sở đào tạo ngoại ngữ tại Việt Nam.

\*TS; Trường Đại học Mở Hà Nội; Email: [Tranedung1975@hou.edu.vn](mailto:Tranedung1975@hou.edu.vn)

\*\*Email: [nanhphwork@gmail.com](mailto:nanhphwork@gmail.com)

## 2. Cơ sở lý luận

### 2.1. Khái niệm “tương tác”

Khái niệm “tương tác” đã được nhiều học giả trong và ngoài nước tiếp cận từ các góc nhìn khác nhau, chủ yếu trong các lĩnh vực ngôn ngữ học, phân tích diễn ngôn và giáo dục ngôn ngữ. Tương tác bao gồm các hình thức giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên hoặc giữa sinh viên với nhau trong quá trình học tập, thông qua các hoạt động như thảo luận, trao đổi phản hồi hoặc làm việc nhóm. Trong phương pháp dạy học giao tiếp, tương tác được xem là thành tố trung tâm, góp phần phát triển năng lực giao tiếp và kỹ năng nói của người học.

Theo Michael Long (2021), tương tác là quá trình thương lượng ý nghĩa giữa người học và người tham gia khác, trong đó người học nhận được đầu vào để hiểu đầu ra được điều chỉnh và phản hồi cần thiết cho quá trình tiếp thu ngôn ngữ thứ hai. Quá trình này giúp người học nhận diện cấu trúc ngôn ngữ, từ đó thúc đẩy phát triển ngữ pháp và khả năng sử dụng ngôn ngữ trong ngữ cảnh thực tế (Ellis, 2023). Bên cạnh đó, Heritage (2023) cho rằng tương tác là sự tổ chức luân phiên lượt lời, phản hồi và điều chỉnh giữa các chủ thể giao tiếp. Trong mô hình này, người nói phối hợp để duy trì hội thoại, đảm bảo hiểu đúng ý và vận dụng chiến lược ngôn ngữ phù hợp với từng bối cảnh. Ở góc độ phân tích diễn ngôn phê, Fairclough (2022) nhấn mạnh rằng “tương tác ngôn ngữ là nơi mà quyền lực, ý thức hệ và bản sắc được kiến tạo và thương thảo một cách chủ động”.

Từ các quan điểm trên có thể thấy, “tương tác” là một quá trình giao tiếp hai chiều, luôn gắn với bối cảnh xã hội - văn hóa cụ thể, bao gồm cả yếu tố ngôn ngữ và phi ngôn ngữ, hướng đến mục đích giao tiếp rõ ràng, và đóng vai trò công cụ thiết yếu trong việc thiết lập, thương lượng và điều chỉnh các mối quan hệ xã hội cũng như vị thế của các chủ thể trong giao tiếp.

### 2.2. Khái niệm “hài hước”

Từ lâu, hài hước đã được công nhận là một phương pháp giảng dạy hiệu quả, góp phần tạo nên môi trường học tập thoải mái, thân thiện và dễ tiếp cận hơn đối với người học. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng yếu tố hài hước giúp giảm căng thẳng, kích thích tư duy sáng tạo, đồng thời tăng cường sự giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên. Trong các lớp học ngoại ngữ, hài hước đặc biệt hữu ích trong việc thúc đẩy sự tham gia tích cực của sinh viên và giúp họ vượt qua các rào cản tâm lý như lo âu hay sợ mắc lỗi khi sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp.

Theo Martin và Kuiper (2020), hài hước được hiểu là một hình thức tương tác xã hội và nhận thức, trong đó người tham gia vận dụng kỹ năng ngôn ngữ cùng hiểu biết xã hội để tạo ra hoặc nhận diện yếu tố phi lý, nhằm mục đích giải trí, gắn kết hoặc thể hiện bản sắc cá nhân. Quan điểm này nhấn mạnh vai trò của hài hước trong việc xây dựng mối quan hệ xã hội và truyền tải những thông điệp phức tạp thông qua các biểu hiện phi ngôn ngữ. Dynel (2021) cho rằng hài hước là một hiện tượng giao tiếp được mã hóa trong ngôn ngữ, trong đó người nói chủ động tạo ra yếu tố bất ngờ để kích thích phản ứng cảm xúc tích cực từ người nghe, thường được thể hiện qua tiếng cười. Theo Chen và Wang (2022), hài hước ngày nay được xem là một chiến lược ngôn ngữ nhằm thu hút sự chú ý, tạo cảm giác thân thiện và điều chỉnh khoảng cách xã hội thông qua nhiều phương tiện đa mô thức như meme, biểu tượng cảm xúc (emoji), hay cách chơi chữ (wordplay).

Tóm lại, hài hước trong giảng dạy, đặc biệt là trong các lớp học tiếng Anh, không chỉ giúp tăng cường mối quan hệ giữa giảng viên và sinh viên, mà còn xây dựng một môi trường học tập tích cực, nơi người học có thể tiếp thu tri thức và giao tiếp bằng ngôn ngữ một cách tự nhiên, thoải mái và sáng tạo hơn.

### 2.3. Kỹ năng nói

Kỹ năng nói là một trong những kỹ năng ngôn ngữ quan trọng nhất trong quá trình học tiếng Anh, phản ánh năng lực sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và hiệu quả trong giao tiếp thực tế.

Luoma (2020) cho rằng kỹ năng nói được hiểu là khả năng sản sinh ngôn ngữ nói một cách trôi chảy và chính xác nhằm truyền đạt thông tin, cảm xúc và ý tưởng trong các tình huống giao tiếp khác nhau. Hughes và cộng sự (2021) cho rằng kỹ năng nói là một quá trình tương tác xã hội, trong đó người nói cần phối hợp hài hòa giữa các yếu tố ngôn ngữ, phi ngôn ngữ và ngữ cảnh giao tiếp để đạt

hiệu quả giao tiếp cao nhất. Bên cạnh đó, Richards (2022) nhấn mạnh rằng kỹ năng nói không chỉ bao gồm phát âm và ngữ pháp, mà còn bao hàm việc sử dụng các chiến lược giao tiếp, khả năng điều chỉnh ngôn ngữ phù hợp với người nghe và bối cảnh.

Theo Brown và Lee (2023), kỹ năng nói còn là phương tiện giúp người học phát triển tư duy phản biện và khả năng sáng tạo trong giao tiếp, đồng thời thể hiện sự tự tin và khả năng thích ứng trong môi trường đa văn hóa. Ngoài ra, Wang và cộng sự (2024) cho rằng kỹ năng nói là một kỹ năng đa chiều, bao gồm độ trôi chảy, độ chính xác, khả năng tổ chức ý tưởng và năng lực tương tác xã hội hiệu quả là những yếu tố giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ toàn diện của người học.

Như vậy, kỹ năng nói không chỉ là thước đo năng lực giao tiếp mà còn là nền tảng để người học phát triển toàn diện các kỹ năng ngôn ngữ khác, đồng thời khẳng định khả năng sử dụng tiếng Anh trong các bối cảnh học thuật và xã hội.

#### **2.4. Câu đố**

Câu đố là một hình thức chơi chữ truyền thống, thường được thể hiện dưới dạng câu hỏi hoặc phát ngôn có yếu tố ẩn dụ, được thiết kế nhằm tạo ra sự bất ngờ và thử thách khả năng suy luận của người nghe. Người tham gia cần vận dụng khả năng phân tích, tư duy phản biện và óc sáng tạo để tìm ra lời giải.

Theo Medvedeva (2020), câu đố không chỉ là một trò chơi ngôn ngữ mà còn là phương tiện phản ánh trí tuệ dân gian, giúp phát triển khả năng quan sát, tư duy hệ thống và góp phần giáo dục thế hệ trẻ thông qua việc sử dụng các cấu trúc ngôn ngữ độc đáo như ẩn dụ và chơi chữ. Lin và cộng sự (2021) cho rằng việc giải câu đố đòi hỏi người học phải có kỹ năng suy luận nâng cao, hiểu biết về ngôn ngữ biểu trưng và kiến thức nền tảng rộng, qua đó thể hiện sự sáng tạo ngôn ngữ và năng lực nhận thức của người học. Zhang và Wan (2021) khẳng định rằng câu đố là một dạng câu hỏi hoặc phát ngôn mang ý nghĩa kép hoặc ẩn dụ, kèm theo câu trả lời bất ngờ, nhằm thử thách khả năng hiểu biết ngôn ngữ và tư duy logic của người giải.

Tóm lại, câu đố không chỉ mang giá trị giải trí mà còn là một công cụ giáo dục và ngôn ngữ hữu hiệu, mà còn góp phần rèn luyện tư duy phản biện, khả năng sáng tạo ngôn từ và năng lực diễn giải - những yếu tố quan trọng trong quá trình học tập và phát triển kỹ năng giao tiếp bằng ngoại ngữ.

### **3. Phương pháp nghiên cứu**

#### **- Thiết kế nghiên cứu:**

Nghiên cứu này được thực hiện theo mô hình nghiên cứu hành động nhằm khảo sát hiệu quả của việc sử dụng các câu đố hài hước trong giảng dạy kỹ năng nói đối với mức độ tương tác giữa giảng viên và sinh viên. Chu trình nghiên cứu bao gồm bốn giai đoạn: lập kế hoạch, hành động, quan sát và phản hồi (Kemmis & McTaggart, 2014).

#### **- Đối tượng tham gia:**

Đối tượng nghiên cứu gồm 80 sinh viên năm thứ hai chuyên ngành tiếng Anh và 04 giảng viên giảng dạy kỹ năng nói tại Trường Đại học Phương Đông, được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Quá trình triển khai được tiến hành trong 8 tuần của học kỳ I, năm học 2025-2026.

#### **- Công cụ thu thập dữ liệu:**

Dữ liệu được thu thập thông qua ba công cụ chính:

Bảng khảo sát gồm 18 câu hỏi theo thang đo Likert 5 mức độ, nhằm đánh giá mức độ tương tác, hứng thú, sự tự tin và lo âu của sinh viên khi nói tiếng Anh.

Phỏng vấn bán cấu trúc với 10 sinh viên và 4 giảng viên để thu thập ý kiến về trải nghiệm học tập và hiệu quả của việc sử dụng câu đố hài hước trong giảng dạy.

Quan sát lớp học trong suốt quá trình can thiệp để ghi nhận sự thay đổi trong mức độ tham gia, phản hồi và giao tiếp của sinh viên.

#### **- Quy trình nghiên cứu:**

Nghiên cứu này được thực hiện theo mô hình nghiên cứu hành động nhằm khảo sát hiệu quả của việc sử dụng các câu đố hài hước trong giảng dạy kỹ năng nói đối với mức độ tương tác giữa giảng

viên và sinh viên. Nghiên cứu được tiến hành theo hai chu kì của mô hình nghiên cứu hành động (Kemmis & McTaggart, 2014). Mỗi chu kì gồm bốn giai đoạn chính: lập kế hoạch, hành động, quan sát và phản hồi.

*Chu kì 1: Xác định vấn đề và triển khai ban đầu*

- Giai đoạn lập kế hoạch: Từ thực tế giảng dạy kỹ năng nói tại Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Phương Đông, nhóm nghiên cứu nhận thấy sinh viên còn thụ động, ít tham gia giao tiếp và thiếu tự tin khi nói tiếng Anh. Trên cơ sở đó, nhóm thiết kế các hoạt động câu đố hài hước (humorous riddles) như một hình thức khởi động và thực hành giao tiếp nhằm khơi gợi hứng thú học tập. Các câu đố được lựa chọn theo chủ đề quen thuộc như gia đình, du lịch, học tập, nghề nghiệp,... và được giảng viên giới thiệu kèm phần gợi ý từ vựng để hỗ trợ người học.

- Giai đoạn hành động: Giảng viên triển khai hoạt động câu đố trong 10-15 phút đầu giờ của mỗi buổi học. Sinh viên làm việc theo cặp hoặc nhóm nhỏ, cùng thảo luận và trình bày đáp án, đồng thời giải thích lí do lựa chọn của mình. Giảng viên đóng vai trò hướng dẫn, điều phối thảo luận và khuyến khích phản hồi tự nhiên bằng tiếng Anh.

- Giai đoạn quan sát: Dữ liệu được thu thập thông qua phiếu quan sát và nhật ký lớp học của giảng viên, tập trung vào số lượt sinh viên chủ động phát biểu, tần suất trao đổi nhóm, và không khí học tập trong lớp. Kết quả cho thấy tuy một số sinh viên đã tham gia sôi nổi hơn, nhưng nhiều em vẫn còn ngại nói, phụ thuộc vào sự gợi mở của giảng viên.

- Giai đoạn phản hồi: Sau chu kì đầu, nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn nhanh để lấy ý kiến sinh viên và giảng viên. Phản hồi cho thấy đa số sinh viên hứng thú với hoạt động, song mong muốn có thêm hình ảnh minh họa và thời gian thảo luận dài hơn. Nhóm nghiên cứu từ đó điều chỉnh thiết kế cho chu kì tiếp theo.

*Chu kì 2: Hoàn thiện và củng cố*

- Giai đoạn lập kế hoạch: Dựa trên phản hồi của chu kì 1, nhóm điều chỉnh và mở rộng hoạt động. Các câu đố được bổ sung yếu tố hình ảnh, ngữ cảnh văn hóa và phần hướng dẫn rõ ràng hơn. Sinh viên được khuyến khích tự sáng tạo câu đố tiếng Anh để trình bày trong nhóm, qua đó tăng tính chủ động và sáng tạo ngôn ngữ.

- Giai đoạn hành động: Hoạt động câu đố hài hước được sử dụng không chỉ ở phần khởi động mà còn trong các bài luyện nói chính. Sau khi giải câu đố, sinh viên được yêu cầu chia sẻ suy nghĩ, liên hệ với trải nghiệm cá nhân hoặc sáng tạo tình huống tương tự bằng tiếng Anh.

- Giai đoạn quan sát: Quan sát lớp học cho thấy hơn 70% sinh viên chủ động tham gia thảo luận. Tiếng cười, phản hồi tự nhiên và sự hợp tác nhóm tăng đáng kể. Giảng viên chuyển vai trò từ người điều khiển sang người hỗ trợ (facilitator), tập trung khích lệ, theo dõi và phản hồi cá nhân.

- Giai đoạn phản hồi: Sau tám tuần thực hiện, các buổi phản hồi sau chu kì ghi nhận sự tiến bộ rõ rệt trong độ trôi chảy, khả năng phản xạ và sự tự tin giao tiếp của sinh viên. Nhiều sinh viên cho biết họ cảm thấy “ít sợ mắc lỗi hơn” và “tự tin hơn khi nói tiếng Anh”. Giảng viên đánh giá cao hiệu quả của phương pháp này trong việc tạo môi trường học tập thân thiện, tích cực và lấy người học làm trung tâm.

**Bảng 1. Kế hoạch thực hiện**

| Chu kì                                          | Tuần | Chủ đề                    | Hình thức tổ chức | Hoạt động                                               |
|-------------------------------------------------|------|---------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------|
| Chu kì 1: Xác định vấn đề và triển khai ban đầu | 1    | Who do you think you are? | Cặp/ Nhóm         | Câu đố về tính cách và nghề nghiệp, giới thiệu bản thân |
|                                                 | 2    | Tell me about yourself    | Cặp/ Nhóm         | Câu đố ngắn về sở thích, cuộc sống hằng ngày            |
|                                                 | 3    | You are going where?      | Cặp/ Nhóm         | Câu đố về địa điểm, du lịch, chỉ đường                  |
|                                                 | 4    | In other words            | Cặp/ Nhóm         | Câu đố chơi chữ, thành ngữ,                             |

|                                    |   |                        |           |                                            |
|------------------------------------|---|------------------------|-----------|--------------------------------------------|
|                                    |   |                        |           | đồng nghĩa                                 |
| Chu kì 2:<br>Hoàn thiện và củng cố | 5 | Millionaires           | Cặp/ Nhóm | Câu đố về nghề nghiệp, tài chính, lối sống |
|                                    | 6 | It's out of order      | Cặp/ Nhóm | Câu đố tình huống hài về lỗi sai, sự cố    |
|                                    | 7 | My place in cyberplace | Cặp/ Nhóm | Câu đố về công nghệ, mạng xã hội           |
|                                    | 8 | Feeling stressed       | Cặp/ Nhóm | Câu đố về cảm xúc, tình huống căng thẳng   |

#### 4. Kết quả và thảo luận

##### 4.1. Kết quả

##### 4.1.1. Phân tích kết quả kiểm tra kỹ năng nói

Kết quả kiểm tra kỹ năng nói của sinh viên cho thấy sự cải thiện tương đối rõ rệt sau khi sử dụng câu đố hài hước trong các lớp học nói tiếng Anh.

**Bảng 2.** Kết quả bài kiểm tra kỹ năng nói của sinh viên qua hai chu kỳ nghiên cứu

| Tiêu chí chấm                 | Chu kì đầu | Chu kì cuối | Mức độ cải thiện |
|-------------------------------|------------|-------------|------------------|
| Độ trôi chảy và tính mạch lạc | 5.8        | 7.5         | 1.7              |
| Từ vựng                       | 6.3        | 7.6         | 1.3              |
| Phát âm                       | 6.2        | 7.4         | 1.2              |
| Sự tự tin                     | 6.0        | 7.5         | 1.5              |
| Khả năng phản xạ              | 6.1        | 7.8         | 1.7              |

Ở chu kì 1, phần lớn sinh viên vẫn tỏ ra rụt rè khi phát biểu, thiếu sự tự tin khi trình bày trước lớp, phụ thuộc vào bài mẫu chuẩn bị trước, còn gặp khó khăn trong việc phản xạ giao tiếp bằng tiếng Anh. Điểm trung bình của bài kiểm tra nói ban đầu là 6,1/10, phản ánh mức độ trôi chảy và năng lực giao tiếp còn hạn chế. Mặc dù một số sinh viên tỏ ra thích thú với hoạt động câu đố hài hước, mức độ tham gia vẫn chưa đồng đều, và tương tác chủ yếu diễn ra giữa giảng viên và sinh viên thay vì giữa các sinh viên với nhau.

Ở chu kì 2, sau khi cải tiến hoạt động bằng cách điều chỉnh mức độ khó của câu đố, bổ sung hình ảnh minh họa và yêu cầu sinh viên tự sáng tạo câu đố tiếng Anh để sinh viên có thể chia sẻ, trong đôi khi làm việc theo cặp hoặc nhóm, kết quả cho thấy sinh viên có sự tiến bộ rõ rệt. Sinh viên tham gia tích cực hơn và tốc độ phản xạ ngôn ngữ nhanh hơn. Điểm trung bình kỹ năng nói cuối chu kì tăng lên 7,4/10, cho thấy tác động tích cực của việc lồng ghép yếu tố hài hước trong giảng dạy kỹ năng nói. Sự cải thiện rõ nét nhất thể hiện ở các tiêu chí độ trôi chảy, khả năng phản xạ và vốn từ vựng và mức độ tự tin khi giao tiếp.

Kết quả này phản ánh rằng môi trường học tập rất quan trọng. Khi sinh viên có môi trường học tập cởi mở, thoải mái đã góp phần thúc đẩy sinh viên giảm bớt lo âu, chủ động hơn trong việc sử dụng tiếng Anh để thể hiện ý tưởng cá nhân. Từ đó, việc thực hành nói trở nên dễ dàng và mang tính giao tiếp thực tiễn nhiều hơn.

##### 4.1.2. Phân tích kết quả quan sát lớp học

##### a. Chu kì 1

Trong chu kì đầu tiên, không khí lớp học còn khá trầm. Chỉ có một số ít sinh viên xung phong trả lời các câu đố; phần lớn vẫn rụt rè và lo sợ mắc lỗi khi nói tiếng Anh. Mặc dù lớp học thỉnh thoảng

xuất hiện tiếng cười, nhưng hình thức tương tác chủ yếu vẫn theo chiều dọc giữa giảng viên và sinh viên, chưa tạo được môi trường giao tiếp hai chiều.

Quan sát trên lớp cho thấy sinh viên còn phụ thuộc nhiều vào gợi ý của giảng viên, phản xạ nói còn chậm và thiếu tự tin khi thể hiện ý kiến bằng tiếng Anh. Sau khi tiến hành quan sát và thu thập phản hồi, nhóm nghiên cứu nhận thấy cần bổ sung gợi ý từ vựng và mẫu câu minh họa nhằm giúp sinh viên hiểu nội dung câu đó rõ hơn và dễ dàng tham gia vào hoạt động, đồng thời cho phép thảo luận theo cặp hoặc nhóm nhỏ để khuyến khích sự tham gia và giảm bớt áp lực tâm lý khi phải giao tiếp bằng tiếng Anh.

#### *b. Chu kì 2*

Sau khi điều chỉnh nội dung câu đó cho phù hợp với trình độ của sinh viên và cho phép thảo luận nhóm trước khi trả lời, mức độ tham gia của sinh viên tăng lên rõ rệt. Giảng viên cho phép sinh viên thảo luận nhóm trước khi trả lời, đồng thời khuyến khích họ tự sáng tạo câu đó hài hước bằng tiếng Anh để chia sẻ với bạn cùng lớp. Nhiều sinh viên chủ động trao đổi, cười đùa thoải mái và sử dụng tiếng Anh tự nhiên hơn. Không khí lớp học trở nên sôi nổi, thân thiện và mang tính hợp tác cao.

Quan sát lớp học cho thấy, tần suất phát biểu và mức độ tham gia của sinh viên tăng đáng kể, hơn 70% sinh viên tích cực nói trong giờ học. Lớp học trở nên sôi nổi, thân thiện và hợp tác, tiếng cười xuất hiện thường xuyên như một dấu hiệu của sự gắn kết và hứng thú học tập. Giảng viên đóng vai trò người hướng dẫn và hỗ trợ, thay vì giảng viên là trung tâm của lớp học như trước.

Các phản hồi thu được sau chu kì 2 cho thấy sinh viên cảm thấy “ít sợ sai hơn”, “tự tin diễn đạt hơn bằng tiếng Anh”, và cho rằng việc học qua câu đó giúp họ ghi nhớ từ vựng, cấu trúc câu tốt hơn, đồng thời rèn luyện phản xạ ngôn ngữ và khả năng suy luận logic.

Giảng viên ghi nhận rằng yếu tố hài hước đóng vai trò như một “cầu nối xã hội”, giúp giảm lo âu, tăng tính gắn kết giữa các thành viên và tạo môi trường giao tiếp thân thiện, khuyến khích sinh viên tương tác tích cực hơn trong giờ học nói.

**Bảng 3.** Sự thay đổi trong kỹ năng nói của sinh viên qua hai chu kì nghiên cứu

| Tiêu chí               | Chu kì 1                     | Chu kì 2                                  |
|------------------------|------------------------------|-------------------------------------------|
| Mức độ sẵn sàng nói    | Còn hạn chế                  | Có cải thiện                              |
| Tương tác              | Ít                           | Có cải thiện, thường xuyên thảo luận nhóm |
| Phản xạ                | Còn e ngại                   | Có cải thiện                              |
| Mức độ giao tiếp       | Chủ yếu câu đơn, còn rời rạc | Đã nói được các câu dài                   |
| Vai trò của giảng viên | Chủ lớp học, người hướng dẫn | Người hỗ trợ                              |

Thông qua chu trình hành động lặp lại hoạt động, quan sát, và phản hồi liên tục, giảng viên đã điều chỉnh kế hoạch bài giảng, lựa chọn các câu đó phù hợp hơn với trình độ sinh viên, đồng thời bổ sung hình minh họa và ví dụ ngôn ngữ để tăng hiệu quả của hoạt động. Chu trình nghiên cứu hành động mang tính lặp lại đã mang lại sự tiến bộ đáng kể trong kỹ năng nói cũng như mức độ tham gia của sinh viên trong các lớp học nói tiếng Anh.

Việc lồng ghép các câu đó hài hước không chỉ giúp tăng hứng thú học tập và gắn kết giữa các thành viên trong lớp, mà còn chuyển đổi mô hình dạy học từ “lấy giảng viên làm trung tâm” sang “lấy người học làm trung tâm”, góp phần thúc đẩy sự đổi mới phương pháp giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh trong bối cảnh đại học hiện nay.

#### *4.1.3. Phân tích kết quả khảo sát và phỏng vấn*

##### *a. Phân tích kết quả khảo sát*

Dựa trên phản hồi của 80 sinh viên tham gia hai chu kì nghiên cứu hành động, kết quả khảo sát cho thấy phần lớn người học có thái độ tích cực đối với việc sử dụng các câu đó hài hước trong các tiết học nói tiếng Anh.

Bảng 3 dưới đây tóm tắt tỉ lệ đồng ý (mức 4 và 5 trên thang Likert) và điểm trung bình của từng tiêu chí, phản ánh nhận thức của sinh viên về mức độ hứng thú, sự tự tin, mức độ lo âu và khả năng tương tác trong lớp học.

**Bảng 4.** Kết quả khảo sát ý kiến của sinh viên về việc sử dụng câu đố hài hước trong lớp học nói tiếng Anh

| Câu hỏi khảo sát                                                                         | Tỉ lệ đồng ý (4+5) | Điểm trung bình (1-5) | Nhận định chính                                |
|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|------------------------------------------------|
| 1. Cảm thấy hứng thú hơn khi sử dụng các câu đố hài hước trong các lớp học nói tiếng Anh | 86%                | 4.2                   | Tăng mức độ tham gia của sinh viên             |
| 2. Lớp học trở nên vui vẻ, không nhàm chán                                               | 83%                | 4.1                   | Tạo không khí lớp học tích cực                 |
| 3. Cảm thấy ít lo lắng khi nói tiếng Anh                                                 | 79%                | 4.0                   | Giảm căng thẳng và sự rụt rè khi nói tiếng Anh |
| 4. Tự tin hơn khi nói tiếng Anh                                                          | 81%                | 4.1                   | Nâng cao sự tự tin khi nói                     |
| 5. Cảm thấy tự tin hơn khi giao tiếp tiếng Anh với bạn bè và giảng viên                  | 80%                | 4.0                   | Thúc đẩy tương tác trong lớp học               |
| 6. Học thêm được từ vựng và cấu trúc                                                     | 74%                | 3.8                   | Tăng khả năng tiếp thu ngôn ngữ                |
| 7. Cảm thấy thoải mái hơn khi nói tiếng Anh                                              | 82%                | 4.1                   | Mô trường cởi mở hơn                           |
| 8. Dễ tiếp thu bài học hơn                                                               | 78%                | 3.9                   | Câu đố hài hước giúp ghi nhớ hiệu quả hơn      |
| 9. Tăng phản xạ khi giao tiếp                                                            | 76%                | 3.9                   | Cải thiện khả năng phản xạ khi nói             |

Từ kết quả khảo sát cho thấy đa số sinh viên đánh giá tích cực về việc sử dụng câu đố hài hước trong các tiết học nói tiếng Anh. Hơn 80% sinh viên cho rằng hình thức này làm cho giờ học thú vị hơn, giảm lo âu khi giao tiếp, đồng thời tăng sự tự tin và mức độ tương tác với giảng viên và bạn cùng lớp.

Ngoài ra, yếu tố hài hước giúp sinh viên dễ nhớ bài học và phản xạ nhanh hơn trong giao tiếp, cho thấy hoạt động này không chỉ mang tính giải trí mà còn có giá trị ngôn ngữ và sư phạm rõ rệt. Mức điểm trung bình từ 3.8 đến 4.2 phản ánh mức độ hài lòng cao và sự đồng thuận nhất quán trong toàn bộ mẫu khảo sát.

*b. Phân tích kết quả phỏng vấn*

Kết quả phỏng vấn bán cấu trúc với 04 giảng viên và 10 sinh viên cho thấy nhận thức thống nhất về những tác động tích cực của việc sử dụng câu đố hài hước trong các giờ học nói tiếng Anh.

**Bảng 5.** Tóm tắt kết quả phỏng vấn

| Nội dung chính                              | Mô tả ý kiến                                                                                                                        | Phát biểu đại diện                                        |
|---------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|
| Giảm lo âu khi nói tiếng Anh                | Sử dụng câu đố hài hước giúp tạo ra bầu không khí thoải mái, làm giảm tâm lý e sợ, sợ mắc lỗi khi nói tiếng Anh.                    | “Không khí cởi mở khiến sinh viên sẵn sàng tham gia hơn.” |
| Tăng hứng thú và động lực học tập           | Câu đố hài hước giúp giảm căng thẳng và khơi gợi sự tham gia vào các nhiệm vụ nói, khiến tiết học trở nên sinh động và hấp dẫn hơn. | “Ít sợ sai hơn và muốn nói nhiều hơn.”                    |
| Tăng tương tác giữa giảng viên và sinh viên | Câu đố hài hước thúc đẩy tăng sự tương tác hai chiều giữa giảng viên và sinh viên, giúp giảng viên gần gũi hơn với sinh viên.       | “Lớp học không giống một tiết học nhàm chán nữa.”         |
| Cải thiện phản xạ ngôn ngữ                  | Câu đố hài hước giúp sinh viên phản ứng nhanh hơn và nâng cao độ trôi chảy khi diễn đạt bằng tiếng Anh.                             | “Câu đố hài hước giúp em nói trôi chảy hơn.”              |

Cả hai nhóm đối tượng đều cho rằng sử dụng câu đố hài hước tăng mức độ tương tác, kích thích hứng thú học tập, và giảm lo âu khi nói tiếng Anh. Các giảng viên nhận thấy sinh viên tự tin hơn, chủ động hơn trong giao tiếp, và duy trì hội thoại lâu hơn so với trước đây. Trong khi đó, sinh viên nhấn mạnh rằng các câu đố hài hước giúp họ hiểu bài nhanh hơn, ghi nhớ từ vựng dễ dàng hơn và mở lòng hơn khi chia sẻ ý kiến trong lớp. Bên cạnh đó, một số ý kiến đề xuất đa dạng hóa nội dung câu đố và tăng tần suất áp dụng trong các giờ học nói nhằm duy trì hứng thú và tạo thêm cơ hội thực hành cho người học.

Nhìn chung, kết quả phỏng vấn hoàn toàn tương đồng với kết quả khảo sát, khẳng định tác động tích cực của yếu tố hài hước đối với sự phát triển kỹ năng nói và mức độ tương tác trong lớp học tiếng Anh như một ngoại ngữ.

#### 4.2. Thảo luận

Kết quả nghiên cứu hành động cho thấy sự cải thiện rõ rệt trong kỹ năng nói và mức độ tương tác của sinh viên sau hai chu kỳ áp dụng các câu đố hài hước trong giờ học nói tiếng Anh, từ đó cho thấy sự hiệu quả của việc áp dụng phương pháp nghiên cứu hành động sử dụng câu đố hài hước khi giảng dạy. Ở giai đoạn đầu, phần lớn sinh viên còn thụ động và ngại giao tiếp; tuy nhiên, qua từng chu kỳ, điểm kỹ năng nói, phản xạ ngôn ngữ và mức độ tự tin đều tăng đáng kể. Điều này chứng minh hiệu quả thực tiễn của phương pháp giảng dạy dựa trên yếu tố hài hước, đặc biệt trong việc kích thích động lực học tập và giảm lo âu giao tiếp.

Kết quả quan sát lớp học cũng cho thấy sinh viên nhiệt tình và chủ động hơn trong các hoạt động nói. Không khí lớp học trở nên sôi nổi, thân thiện, giúp sinh viên sử dụng tiếng Anh tự nhiên hơn mà không sợ mắc lỗi. Yếu tố hài hước đóng vai trò kết nối giảng viên và sinh viên, đồng thời thúc đẩy sự tương tác hiệu quả giữa các bạn học. Tuy nhiên, vẫn còn một số sinh viên rụt rè cần được khuyến khích thêm trong chu kỳ tiếp theo.

Kết quả khảo sát và phỏng vấn cũng cố thêm rằng phần lớn sinh viên cho rằng việc học qua câu đố hài hước giúp họ tự tin, thoải mái hơn, đồng thời ghi nhớ kiến thức lâu hơn. Sinh viên cũng mong muốn phương pháp này được duy trì và mở rộng sang các kỹ năng khác. Một số ý kiến đề xuất đa dạng hóa nội dung câu đố, kết hợp hình ảnh, video hoặc hoạt động nhóm để tăng hiệu quả tương tác và hứng thú học tập.

Mặc dù còn những hạn chế khi thời gian nghiên cứu ngắn, phạm vi nghiên cứu nhỏ, vẫn có tỉ lệ tương tác chưa đồng đều giữa các sinh viên. Một tỉ lệ nhỏ gia sư chưa tương tác, tham gia nhiều trong các hoạt động do tâm lý sợ sai, thiếu vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp. Những nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng quy mô mẫu, kéo dài thời gian triển khai qua nhiều học kỳ hoặc kết hợp phương pháp nghiên cứu hành động với thực nghiệm đối chứng nhằm tăng độ tin cậy và khả năng khái quát hóa của kết quả. Ngoài ra, nghiên cứu nên kết hợp nhiều nguồn dữ liệu khách quan hơn như ghi hình tiết học, đánh giá chéo giữa các giảng viên, nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của yếu tố chủ quan trong quá trình thu thập và phân tích dữ liệu.

Nghiên cứu đã khẳng định rằng việc sử dụng câu đố hài hước trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh không chỉ nâng cao năng lực ngôn ngữ mà còn góp phần xây dựng môi trường học tập tích cực, lấy người học làm trung tâm, phù hợp với xu hướng đổi mới phương pháp dạy học ngoại ngữ hiện nay.

Nghiên cứu gợi mở một số hàm ý sư phạm trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh ở bậc đại học. Giảng viên cần tích hợp câu đố hài hước như một hoạt động giao tiếp thường xuyên trong lớp học, đồng thời khuyến khích sinh viên tham gia thảo luận nhóm và tự sáng tạo câu đố để tăng mức độ tương tác và phản xạ ngôn ngữ. Bên cạnh đó, sinh viên nên được tạo điều kiện tham gia các câu lạc bộ nói tiếng Anh và hoạt động ngoại khóa có yếu tố trò chơi nhằm mở rộng môi trường thực hành giao tiếp. Đối với nhà trường, cần chú trọng đầu tư tài nguyên học tập, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy sáng tạo cho giảng viên và xây dựng cơ chế khuyến khích sinh viên tham gia các hoạt động ngôn ngữ ngoài lớp học.



## 5. Kết luận

Nghiên cứu hành động được thực hiện tại Trường Đại học Phương Đông đã chứng minh rằng việc sử dụng câu đố hài hước trong giảng dạy kỹ năng nói tiếng Anh mang lại hiệu quả rõ rệt trong việc tăng cường tương tác giữa giảng viên và sinh viên, đồng thời nâng cao năng lực nói của người học. Các dữ liệu thu thập được từ quan sát lớp học, khảo sát sinh viên và phỏng vấn giảng viên khẳng định việc lồng ghép câu đố hài hước vào bài giảng triển khai trong 8 tuần học có hiệu quả tích cực của việc sử dụng câu đố hài hước trong các lớp học nói. Qua hai chu kỳ kết quả cho thấy sinh viên không chỉ cải thiện rõ rệt về độ trôi chảy, sự tự tin và khả năng phản xạ ngôn ngữ, mà còn trở nên chủ động và tích cực hơn trong các hoạt động giao tiếp trên lớp. Yếu tố hài hước góp phần quan trọng trong việc tạo dựng môi trường học tập thân thiện, giảm lo âu và thúc đẩy động lực sử dụng tiếng Anh.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên trở nên tự tin, linh hoạt và chủ động hơn trong giao tiếp bằng tiếng Anh, trong khi giảng viên nhận thấy sự gia tăng đáng kể về mức độ tương tác và hứng thú học tập trong các tiết học nói. Vì vậy, cần triển khai có hệ thống việc ứng dụng câu đố hài hước trong chương trình giảng dạy kỹ năng nói, kết hợp với các khóa bồi dưỡng chuyên môn định kỳ cho giảng viên và tăng cường các phương tiện hỗ trợ giảng dạy đa phương tiện. Bên cạnh đó, việc xây dựng ngân hàng học liệu tiếng Anh có yếu tố hài hước sẽ góp phần nâng cao tính khả thi và hiệu quả lâu dài của phương pháp này. Tuy nhiên, quy mô mẫu và thời gian triển khai còn hạn chế, các nghiên cứu tiếp theo cần được mở rộng về đối tượng, bối cảnh và thời lượng can thiệp để kiểm chứng sâu hơn ảnh hưởng lâu dài của phương pháp này.

Tóm lại, việc vận dụng câu đố hài hước trong giảng dạy không chỉ giúp phát triển kỹ năng nói và tăng cường tương tác trong lớp học, mà còn mở ra hướng tiếp cận sáng tạo và truyền cảm hứng cho việc dạy và học ngoại ngữ, góp phần phát triển năng lực giao tiếp và tư duy ngôn ngữ cho sinh viên trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aini, N. (2023), Utilizing humor for triggering language learners' critical thinking skills in EFL classrooms. *IDEAS: Journal on English Language Teaching and Learning, Linguistics and Literature*, 11(2), 72–83.
2. Alsakaker, A. (2025), Effects of using humor in teaching speaking skills on EFL learners' speaking anxiety. *Arab World English Journal*, 16(1), 50–65.
3. Chen, Y., & Wang, L. (2022), Multimodal humor and learner engagement in online EFL classes. *Journal of Pragmatics*, 188, 45–58.
4. Dewi, S., & Rahmawati, L. (2024), A double-edged sword of humour: Students' perspectives on teachers' use of humour in EFL classrooms. *Asian EFL Journal*, 28(2), 103–118.
5. Dynel, M. (2021), Humour theory and communication studies: A contemporary perspective. *Journal of Language and Social Psychology*, 40(5), 602–620.
6. Ellis, R. (2023), *Understanding second language acquisition* (3rd ed.). Oxford University Press.
7. Fairclough, N (2022), *Language and power* (3rd ed.). Routledge.
8. Frontiers in Psychology (2025), Teaching and learning with instructional humor: A review of recent findings and implications for practice. *Frontiers in Psychology*, 16, Article 1445362.
9. Heritage, J. (2023), *Conversation analysis and institutional interaction*. Cambridge University Press.
10. Hughes, R., Trinder, R., & Mercer, S. (2021), Speaking competence in EFL contexts: A socio-cognitive view. *Language Teaching Research*, 25(6), 889–906.
11. Kemmis, S., & McTaggart, R. (2014), *The action research planner*. Springer.
12. Lin, M., Wu, S., & Jiang, S. (2021), Cognitive mechanisms in solving linguistic riddles. *Applied Linguistics*, 42(3), 412–432.

13. Long, M. H. (2021), *Second language acquisition and task-based language teaching*. John Benjamins.
14. Luoma, S. (2020), *Assessing speaking*. Cambridge University Press.
15. Martin, R. A., & Kuiper, N. (2020), Humour in education: Psychological foundations and applications. *Educational Psychology Review*, 32(4), 1103–1125.
16. Medvedeva, E. (2020), Riddles as cognitive tools in language learning. *Journal of Literary Semantics*, 49(2), 159–173.
17. Mudra, H. (2024), L2 humor in English classrooms: Rural school EFL students' perception of humor-based learning. *SALEE: Studies in Applied Linguistics and English Education*, 5(1), 1–15.
18. Neff, P., & Dewaele, J.-M. (2023), Humor strategies in the foreign language class. *Innovation in Language Learning and Teaching*, 17(2), 134–147.
19. Nguyen, T. V., Tran, H. Q., & Hoang, A. M. (2023), Developing a humor-based material bank for EFL teaching in Vietnam. *Journal of Language and Education*, 12(3), 210–225.
20. Tran, H. M., & Le, Q. N. (2024), Professional development for teachers integrating humor in communicative classrooms. *Hue University Journal of Educational Research*, 31(1), 56–70.

**Using humorous riddles to enhance lecturer-student interaction  
in English speaking classes: An action research at Phuong Dong University**

**Abstract:** To enhance lecturer-student interaction in speaking classes at Phuong Dong University, the researcher employed action research by incorporating humorous riddles into speaking lessons for 80 students in the Faculty of Foreign Languages, English Department, during the first semester of the 2025-2026 academic year. The data were collected through classroom observation, questionnaires, and semi-structured interviews to investigate the effectiveness of humorous riddles. The findings showed some changes in students' participation and confidence. This paper is expected to provide practical insights for the innovation of teaching methods in English-speaking classes.

**Key words:** action research; humorous riddles; speaking skills; interaction; student.